

Số: 1022 /BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 5 năm 2016.

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác tháng 5/2016
và nhiệm vụ công tác tháng 6/2016.

Thực hiện Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 16/01/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành quy định về một số giải pháp chủ yếu điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2016, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện công tác tháng 5/2016 và nhiệm vụ công tác tháng 6/2016, như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác tháng 5/2016

1. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

Tiếp tục hoàn thiện, trình Tỉnh ủy, UBND tỉnh: (1)-Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XVI) về *phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2025*; (2)-Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XVI về *kiên cố hóa kênh mương, giao thông nội đồng; xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ nhân dân*; (3)-Đề án kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2016-2020; (4)-Kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; (5) Đề án sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp do tỉnh quản lý.

Trình Sở Tư pháp thẩm định dự thảo các văn bản: Chính sách hỗ trợ xây dựng kênh mương, đường giao thông nội đồng; quy hoạch khuôn viên vui chơi gắn với xây dựng nhà văn hóa thôn, bản tổ nhân dân; chính sách hỗ trợ xây dựng một số công trình hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới Giai đoạn 2016-2020; Chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản.

Hoàn thiện, trình thẩm định và phê duyệt đề cương nhiệm vụ và Dự toán kinh phí thực hiện các dự án: (1)-Điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025; (2)-Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025 định hướng đến năm 2035; (3)-Quy hoạch phát triển Thủy sản tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035.

2. Công tác chỉ đạo sản xuất nông lâm nghiệp

2.1. Về trồng trọt và Bảo vệ thực vật, công tác đảm bảo sản xuất

Phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành phố, các ngành chức năng đánh giá sơ kết sản xuất sản xuất vụ Đông xuân năm 2015-2016, xây dựng kế hoạch sản xuất vụ mùa, vụ đông năm 2016; hướng dẫn chăm sóc,

phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng vụ xuân và chuẩn bị các điều kiện để sản xuất vụ mùa¹.

Tiếp tục triển khai thực hiện các mô hình, dự án: Thực hiện Đề án phát triển vùng sản xuất cam sành tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2014-2020; mô hình trồng thí điểm giống cam BH32; đề tài Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ tuyển chọn, nhân giống cam không hạt và nâng cao hiệu quả sản xuất cam; đề tài nghiên cứu ứng dụng sử dụng chế phẩm nấm ký sinh *Metachium*SP trừ rầy nâu-rầy lưng trắng trên lúa.

2.2- Công tác khuyến nông và thực hiện các dự án, đề tài khoa học:

Chỉ đạo hệ thống khuyến nông thường xuyên bám sát cơ sở hướng dẫn nông dân kỹ thuật chăm sóc cây trồng, vật nuôi, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc trong vụ xuân - hè. Tổ chức tập huấn sản xuất vụ mùa năm 2016 đến các thôn bản và hộ sản xuất nông lâm nghiệp đảm bảo chất lượng. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn nhân dân thực hiện trồng, chăm sóc mía theo đúng kỹ thuật để đảm bảo hoàn thành kế hoạch tỉnh giao.

Tiếp tục phối hợp với Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh thực hiện 05 chuyên mục khuyến nông trên truyền hình; phát hành Bản tin Khuyến nông số 03/2016. Tiếp tục hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi.

2.3. Chăn nuôi, thú y, thủy sản

Tổ chức ký cam kết chăn nuôi an toàn không sử dụng các loại chất cấm cho chăn nuôi đối với các hộ chăn nuôi có quy mô lớn (*đã ký cam kết đối với 478 cơ sở chăn nuôi, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, giết mổ, thu gom buôn bán vận chuyển động vật trên địa bàn tỉnh*); thực hiện tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường đợt 1 năm 2016.

Phối hợp UBND các huyện, thành phố chỉ đạo kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên địa bàn quản lý; tiếp tục thực hiện công tác tiêm phòng bổ sung vụ Xuân - Hè năm 2016 đạt chỉ tiêu kế hoạch²

Tăng cường kiểm tra công tác quản lý giống vật nuôi trên toàn tỉnh; hướng dẫn các hộ dân chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; quản lý chất lượng giống thủy sản; nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản có hiệu quả.

2.4. Công tác quản lý chất lượng nông lâm thủy sản: Triển khai thực hiện “Tháng hành động vì chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm” năm 2016 (*từ ngày*

¹ Vụ xuân: Diện tích trồng mía (đến hết ngày 30/4/2016) 1.420 ha, trong đó trồng mới 664,5 ha, trồng lại 755,5 ha, đạt 35,5% KH. Diện tích lúa đã thu hoạch (đến ngày 20/5/2016) là 126,1 ha, đạt 0,6 % so với diện tích gieo cấy, ngô thu hoạch 19,1 ha. Vụ mùa: Đăng ký giống 126.746 kg, tương đương 4.117 ha.

² Kết quả tiêm phòng vụ xuân hè đến 15/5/2015: Đàn trâu: LMLM 74.032 con đạt 84,8%KH; THT 62.854 con đạt 72%KH; Đàn bò: LMLM 10.934 con đạt 74%KH; THT 12.384 con 83,8%KH; Đàn lợn: LMLM 13.899 con đạt 34,2%KH; THT 229.921 con đạt 64,2%KH; dịch tả 368.755 đạt 102,9%KH; Đàn gia cầm: THT 1.475.607 con đạt 57,4 %KH; Newcatson 1.651.086 con đạt 64,3%KH; Đàn chó 21.685 con đạt 23,6%KH.

15/4/2016 đến ngày 15/5/2016), đã tổ chức kiểm tra, giám sát 56 cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm nông lâm thủy sản, lấy 50 mẫu thực phẩm để thử nghiệm, trong đó 16 mẫu gửi đi phân tích hiện đang chờ kết quả phân tích; 34 mẫu kiểm tra bằng phương pháp test nhanh; kết quả kiểm tra test nhanh các mẫu đảm bảo chất lượng.

Tổ chức 02 lớp tập huấn, tuyên truyền cho 85 người tham dự về công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm, quy trình sản xuất nông nghiệp tốt như VietGAP, GlobalGAP tại huyện Hàm Yên, thành phố Tuyên Quang.

2.5. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Kiểm tra thực hiện kế hoạch sản xuất lâm nghiệp tại các huyện, thành phố³. Đôn đốc các huyện tiếp tục thực hiện giao rừng trồng thuộc Chương trình 327 và Dự án 661 đã quy hoạch lại là rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 17/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Triển khai cấp chứng chỉ quản lý rừng FSC: Đến nay, các Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp đã hoàn thành thủ tục phục vụ cho việc đánh giá để cấp chứng chỉ rừng theo quy định; hoàn thiện Đề án nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả của rừng trồng;

Tổng hợp kết quả kiểm kê rừng⁴, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Hoàn thành việc đề xuất chủ trương đầu tư lập Dự án điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011- 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hoàn thiện đề cương kỹ thuật và dự toán trình Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định.

Thực hiện kiểm tra công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tại cơ sở, theo dõi, cảnh báo, dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh thông báo để các chủ rừng biết và có biện pháp kịp thời triển khai thực hiện phòng cháy, chữa cháy rừng có hiệu quả. Tăng cường công tác nắm bắt thông tin, chủ động trong công tác đấu tranh ngăn chặn, xử lý, giải quyết các hành vi vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng⁵.

3. Chương trình phát triển nông thôn

Phối hợp với UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các Ban quản lý cơ sở kiểm tra, đánh giá an toàn các công trình thủy lợi trước mùa mưa lũ năm 2016, đề xuất biện pháp xử lý, khắc phục, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT. Thường trực theo dõi công tác phòng, chống lụt bão giảm nhẹ thiên tai năm 2016 trên toàn tỉnh; đôn đốc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố bị ảnh hưởng do thiên tai tổ chức khắc phục tình hình thiệt hại do mưa, lốc gây ra trên địa bàn tỉnh trong thời gian vừa qua; tiếp tục triển khai thí điểm ứng dụng công nghệ bê tông thành móng đúc sẵn vào xây dựng kênh mương tại xã Đại Phú, huyện Sơn Dương và xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình, tổng chiều dài thực hiện: 3.358,5 km, đã thực hiện đạt 100% khối lượng, trong đó tại xã Đại Phú 1.735,5 km; xã Khuôn Hà 1.623 km. Phối hợp với các huyện thực hiện di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai

³ Đến ngày 20/5/2016, toàn tỉnh trồng rừng tập trung 7.160 ha đạt 70,5% KH; khai thác gỗ rừng trồng được 2.417,1 ha, sản lượng 314.918 m³ đạt 41,2 % KH

⁴ Hoàn thành kiểm kê rừng với tổng diện tích là: 469.180,30 ha, gồm: Đất quy hoạch cho lâm nghiệp: 448.681,19 ha; đất ngoài lâm nghiệp 20.499,11 ha

⁵ Trong tháng 5/2016 kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm 72 vụ, tăng 11 vụ so với tháng 4/2016

nguy hiểm, bố trí sắp xếp ổn định dân cư theo kế hoạch được UBND tỉnh giao năm 2016, đến nay đã di chuyển được 48/101 hộ đạt 47,5% kế hoạch.

Đôn đốc thực hiện Nghị quyết 10 và Nghị quyết 12 của HĐND tỉnh⁶. Hoàn thành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND trình Sở Kế hoạch Đầu tư thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt; ban hành hướng dẫn thực Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn 06 xã dự kiến đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới năm 2016; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phân bổ nguồn lực hỗ trợ 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 thực hiện các tiêu chí chưa đạt chuẩn theo quy định (*theo kết luận kỳ họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*); tham mưu phân bổ vốn Trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2016 trình UBND tỉnh phê duyệt; xây dựng kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2016 và Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135.

4. Về thực hiện Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn

Tiếp đón và làm việc với đoàn giám sát, đánh giá IFAD đến làm việc tại tỉnh, kết quả các tiểu hợp phần do các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện được Đoàn công tác đánh giá là đạt yêu cầu. Tiếp tục thực hiện các hoạt động thực thi Dự án VIE/035 theo Bản thỏa thuận hợp tác sử dụng nguồn vốn hỗ trợ và thực thi dự án đã ký kết và các kế hoạch được phê duyệt⁷.

5. Công tác giải quyết thủ tục hành chính, thanh tra tiếp dân

* *Thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính:* Trong tháng 5 đã tiếp nhận 335 hồ sơ. Trong đó: Số hồ sơ tiếp nhận từ tháng 04/2016 chuyển sang là 27 hồ sơ; tiếp nhận mới là 308 hồ sơ.

- Số hồ sơ đã giải quyết: 289 hồ sơ, trong đó: Giải quyết trước thời hạn trên 7 ngày là 29 hồ sơ, giải quyết trước thời hạn từ 3 đến 5 ngày là 07 hồ sơ

- Số hồ sơ trả lại 01 hồ sơ do trong quá trình thẩm định không đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo quy định.

- Số hồ sơ đang trong thời gian giải quyết: 45 hồ sơ.

* *Công tác thanh tra, tiếp dân:* Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản; quản lý vật tư nông lâm nghiệp; tiêm phòng cho gia súc, gia cầm; giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông, lâm sản và thủy sản; xử lý vi phạm hành chính trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và các sản

⁶ Đến ngày 20/5 toàn tỉnh đã giải ngân cho vay được 115.3367,5 triệu đồng, đã giải ngân hỗ trợ được 1.160,24 triệu đồng, trong đó: Cho vay theo NQ 12 được 68.918,5 triệu đồng, hỗ trợ lãi suất được 197,33 triệu đồng, hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, xúc tiến thương mại được 240 triệu đồng; cho vay theo NQ 10 được 46.449,0 triệu đồng, hỗ trợ lãi suất được 323,91 triệu đồng, hỗ trợ sản xuất theo VietGAP được 399 triệu đồng.

⁷ Đến nay, đã hoàn thiện và được VIE/035 phê duyệt kế hoạch chi tiết hoạt động hỗ trợ lắp đặt máy sấy tinh bột dong riềng; Một số hoạt động khác, đang được các đơn vị phối hợp với Ban điều phối Dự án TNSP tỉnh và các chuyên gia Dự án VIE/035 hoàn thiện, gồm: Các lớp tập huấn của Chuối Cam, chuối Lợn, Chuối chề; mô hình mô hình nuôi cá đặc sản và hợp đồng nông trại; hoạt động cấp chứng chỉ rừng (FSC) thuộc chuối Keo; Lớp tập huấn về phương pháp liên kết nông dân với thị trường và các cuộc họp để hoàn thiện Kế hoạch phát triển chuối giá trị giai đoạn 2016-2020.

phẩm nông, lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh..Tính đến nay đã tuyên truyền phổ biến giáo dục cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số được 10 lớp với 500 lượt người tham gia. Thực hiện tiếp nhận 02 đơn của công dân (01 đơn tố cáo và 01 đơn đề nghị), Thanh tra Sở đã tham mưu chuyển đơn đến cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định; triển khai thanh tra quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đối với Ban quản lý công trình thủy lợi xã Kim Phú, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

6. Hạn chế, khó khăn:

Tiến độ trồng mới, trồng lại cây mía chậm và không đạt kế hoạch. Nguyên nhân: Ở thời điểm đầu vụ sản xuất nhân dân tập trung gieo trồng, chăm sóc lúa và cây màu nên thiếu lao động cho việc trồng mía; chính sách và phương thức tổ chức sản xuất của nhà máy đường chưa hiệu quả; chưa có đủ máy làm đất đáp ứng nhu cầu của người dân theo mùa vụ; một số xã chính quyền địa phương chỉ đạo còn chưa quyết liệt; do sự cạnh tranh của một số cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao hơn cây mía như: bưởi, cam, chè,...nhiều diện tích phế canh chuyển sang trồng cây khác là 745,7 ha (tại các huyện Sơn Dương 234,6 ha, Yên Sơn 208 ha, thành phố Tuyên Quang 35,2 ha, Hàm Yên 123 ha, Chiêm Hóa 128,3 ha, Na hang 10,1 ha, Lâm Bình 6,2 ha).

II. Nhiệm vụ, công tác tháng 6 năm 2016

1. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

Hoàn thiện, trình UBND tỉnh: (1) Dự thảo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành (khóa XVI) về phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2020; (2) Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban thường vụ tỉnh ủy về kiên cố hóa kênh mương, giao thông nội đồng; xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ nhân dân; (3) Quyết định về cơ chế chính sách hỗ trợ giống ngô trồng lấy hạt, ngô thức ăn gia súc trên ruộng 2 vụ lúa; (4) Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Ban hành Quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án: (1)-Điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025; (2)-Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025 định hướng đến năm 2035; (3)-Quy hoạch phát triển Thủy sản tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035.

2. Công tác chỉ đạo sản xuất nông lâm nghiệp

2.1. Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, công tác đảm bảo sản xuất: Tăng cường kiểm tra, giám sát đồng ruộng, dự tính, dự báo chính xác tình hình sâu bệnh hại cây trồng và hướng dẫn nhân dân các biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả không để sâu bệnh phát sinh thành dịch. Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị chuẩn bị tốt các điều kiện để phục vụ sản xuất vụ mùa năm 2016, kịp thời tham mưu cho lãnh đạo Sở chỉ đạo công tác tổ chức sản xuất nông nghiệp, đảm bảo hoàn thành kế hoạch tỉnh giao.

Tham mưu tổng kết đánh giá kết quả trồng mía nguyên liệu theo kế hoạch được giao năm 2016 và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2017.

2.2. Công tác khuyến nông và thực hiện các dự án, đề tài khoa học:

Chỉ đạo hệ thống khuyến nông bám sát đồng ruộng hướng dẫn nông dân thu hoạch nhanh, gặt lúa xuân, thu hoạch đến đâu làm đất ngay đến đó, đồng thời tổ chức gieo mạ và chuẩn bị các điều kiện cho sản xuất vụ mùa đạt kế hoạch. Hướng dẫn, vận động nhân dân thực hiện tốt các biện pháp phòng chống nắng nóng và dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm trong mùa mưa lũ. Thực hiện tổng kết, đánh giá các mô hình sản xuất thực hiện trong vụ xuân năm 2016 để làm cơ sở khuyến cáo nhân dân mở rộng trong sản xuất vụ mùa.

2.3. Chăn nuôi, thú y, thủy sản: Hoàn thiện Quy định về định mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2015-2020 (theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ); phối hợp thực hiện phương án tiếp nhận bê cái giống nuôi sinh sản do Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup và Công ty Cổ phần giấy An hòa hỗ trợ; tiếp tục rà soát, hướng dẫn ký cam kết đối với các hộ chăn nuôi có quy mô lớn trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục phối hợp UBND các huyện, thành phố chỉ đạo kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên địa bàn quản lý; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát các cơ sở kinh doanh, vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm; các cơ sở kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; đôn đốc triển khai thực hiện tiêm phòng bổ sung cho đàn gia súc, gia cầm chưa được tiêm phòng trong chính vụ và mới nhập đàn.

Tăng cường công tác quản lý chất lượng giống thủy sản; nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản có hiệu quả. Phối hợp với các huyện, thành phố đôn đốc thực hiện Quy chế quản lý khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ở các vùng nước trên địa bàn tỉnh.

2.4. Công tác quản lý chất lượng nông lâm thủy sản: Tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch số 26/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch hành động năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức kiểm tra chất lượng giống, vật tư nông nghiệp đảm bảo đúng quy định phục vụ cho sản xuất vụ mùa đạt hiệu quả; đôn đốc hướng dẫn UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức ký cam kết không vi phạm các quy định của nhà nước trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp huyện.

2.5. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Tiếp tục phối hợp với UBND các huyện, thành phố chỉ đạo cơ bản hoàn thành chỉ tiêu trồng rừng năm 2016; đẩy mạnh kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý giống cây trồng lập nghiệp, quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc rừng và thực hiện quy chế quản lý khai thác gỗ rừng trồng; hướng dẫn, đôn đốc các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp tổ chức thực hiện có hiệu quả các Đề án sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp (sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án); hoàn thành quyết toán dịch vụ môi trường rừng năm 2015, giao kế hoạch và dự toán chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2016.

Tổng hợp báo cáo, đề nghị công bố kết quả diễn biến rừng năm 2016 trên cơ sở kết quả dữ liệu kiểm kê rừng. Đẩy nhanh việc triển khai thực hiện cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC;

Tổ chức lực lượng kiểm lâm tăng cường thực hiện các biện pháp chống chặt, phá rừng, vận chuyển lâm sản, động thực vật rừng trái phép và các hành vi trái pháp luật khác xâm hại đến rừng, đất lâm nghiệp.

3. Chương trình phát triển nông thôn

Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố tăng cường triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn công trình thủy lợi, đề kè trong mùa mưa lũ.

Đôn đốc, hướng dẫn thực hiện kế hoạch di chuyển ổn định dân năm 2016 theo chỉ đạo của UBND tỉnh; tiếp tục thực hiện dự án đầu tư di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và đặc biệt khó khăn xã Sơn Phú, huyện Na Hang; tổ chức tổng kết đánh giá thực hiện thí điểm ứng dụng công nghệ bê tông thành móng đúc sẵn vào xây dựng kênh mương tại xã Đại Phú, huyện Sơn Dương và xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình; tham mưu đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2016-2025.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo tập huấn cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới năm 2016. Tập trung đôn đốc, hướng dẫn 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 khẩn trương thực hiện các giải pháp thực hiện hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; tổng hợp báo cáo tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức họp Ban chỉ đạo tỉnh.

4. Về thực hiện dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn

Xây dựng Kế hoạch thực hiện Khuyến nghị của Đoàn giám sát đánh giá IFAD về Thể chế hóa Tổ Công tác Chuỗi giá trị và cập nhật kế hoạch phát triển chuỗi giá trị cho các ngành hàng ưu tiên của tỉnh. Tiếp tục thực hiện các hoạt động thực thi Dự án VIE/035 theo Bản thỏa thuận hợp tác sử dụng nguồn vốn hỗ trợ và thực thi dự án đã ký kết và các kế hoạch được VIE/035 phê duyệt.

5. Công tác cải cách hành chính, thanh tra tiếp dân

Rà soát xây dựng quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Thực hiện tiếp nhận hồ sơ giải quyết các thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân đúng và trước thời hạn quy định; thường trực công tác tiếp dân; tham mưu xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, đề nghị của công dân theo thẩm quyền.

Sở Nông nghiệp và PTNT trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh: (Báo cáo);
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Đảng ủy;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT; KH-TC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Nông

BIỂU TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 5 NĂM 2016

Kèm theo báo cáo số 1022/BC-SNN ngày 23 tháng 01 năm 2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Trong đó						
				Sơn Dương	Yên Sơn	T.phố T.Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình
I	SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2016									
1	Cây lúa									
1.1	Diện tích lúa đã cấy	ha	19.935,9	5.264,4	4.619,2	1.025,5	3.293,0	4.023,2	662,8	1.047,8
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	%	104,1	109,7	105,2	105,3	100,2	99,8	102,0	101,7
	Trong đó: Lúa lai	ha	10.772,1	2.963,9	3.134,0	383,0	1.326,8	2.296,9	257,3	410,2
	Lúa thuần	ha	9.163,8	2.300,5	1.485,2	642,5	1.966,2	1.726,3	405,5	637,6
	Gieo sạ	ha	605,1	63,3	263,7	278,1				
1.2	Diện tích lúa trở	ha	18.724,4	5.264,4	3.750,0	923,0	3.293,0	4.023,2	423,0	1.047,8
	<i>Đạt % so với diện tích lúa cấy</i>	%	93,9	100,0	81,2	90,0	100,0	100,0	63,8	100,0
1.3	Diện tích thu hoạch	ha	126,1	117,0				9,1		
	<i>Đạt % so với diện tích lúa cấy</i>	%	0,6	2,2	-	-	-	0,2	-	-
2	Cây ngô kế hoạch	ha	7.380,0	1.650,0	1.500,0	400,0	1.130,0	1.080,0	1.100,0	520,0
2.1	Diện tích thực hiện	ha	7.378,0	1.605,3	1.508,7	399,8	989,8	1.309,8	1.049,7	514,9
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	%	99,97	97,3	100,6	100,0	87,6	121,3	95,4	99,0
	Trong đó: Trên ruộng	ha	2.126,7	561,8	468,7	57,4	265,5	347,5	258,6	167,2
	Trên soi, bãi	ha	5.251,3	1.043,5	1.040,0	342,4	724,3	962,3	791,1	347,7
2.2	Diện tích thu hoạch	ha	19,1		12,8			6,3		
	<i>Đạt % so với diện tích trồng</i>	%	0,3	-	0,8	-	-	0,5	-	-
3	Cây lạc kế hoạch	ha	3.202	450,0	175,0	37,0	260,0	1.900,0	70,0	310,0
	Diện tích thực hiện	ha	3.133,6	451,4	154,8	28,5	196,0	1.922,2	47,7	333,0
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	%	97,9	100,3	88,5	77,0	75,4	101,2	68,1	107,4
	Trong đó: Trên ruộng	ha	1.851,1	353,0	154,8		66,0	1.099,7	18,1	159,5

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Trong đó						
				Sơn Dương	Yên Sơn	T.phố T.Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình
	Trên soi, bãi	ha	1.282,5	98,4	-	28,5	130,0	822,5	29,6	173,5
4	Cây đậu tương kế hoạch	ha	320,0	100,0	110,0	-	80,0	30,0	-	-
4.1	Diện tích thực hiện	ha	193,2	45,5	64,2	-	41,7	34,8	7,0	-
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	<i>%</i>	<i>60,4</i>	<i>45,5</i>	<i>58,4</i>		<i>52,1</i>	<i>116,0</i>		
	Trong đó: Trên ruộng 1 vụ	ha	113	27,0	64,2		11,2	10,8		
	Trên soi, bãi	ha	80	18,5			30,5	24,0	7,0	
4.2	Diện tích thu hoạch	ha	10,7		10,7					
	<i>Đạt % so với diện tích trồng</i>	<i>%</i>	<i>5,5</i>	<i>-</i>	<i>16,7</i>		<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
5	Cây khoai lang kế hoạch	ha	507	100,0	100,0	30,0	75,0	62,0	110,0	30,0
	Diện tích thực hiện	ha	255,6	79,5	51,8	17,0	39,7	47,6	-	20,0
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	<i>%</i>	<i>50,4</i>	<i>79,5</i>	<i>51,8</i>	<i>56,7</i>	<i>52,9</i>	<i>76,8</i>	<i>-</i>	<i>66,7</i>
	Trong đó: Trên ruộng	ha	255,6	79,5	51,8	17,0	39,7	47,6		20,0
	Trên soi, bãi	ha	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Cây mía kế hoạch	ha	12.117	4.122	2.370	337	1.161	3.913	122	92
	Trong đó: Diện tích trồng mới	ha	1.700	500	350	50	250	500	20	30
	Diện tích trồng lại	ha	2.300	880	320	90	250	720	20	20
	Diện tích lưu gốc	ha	8.117	2.742	1.700	197	661	2.693	82	42
	Diện tích đã trồng	ha	1.420,0	556,4	123,4	38,2	147,3	538,7	9,1	6,9
	<i>Đạt % so với KH trồng mới trồng lại</i>		<i>35,50</i>	<i>40,32</i>	<i>18,42</i>	<i>27,29</i>	<i>29,46</i>	<i>44,16</i>	<i>22,75</i>	<i>13,80</i>
	Diện tích trồng mới	ha	664,5	263,3	53,3	11,4	82	243,9	6,9	3,7
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	<i>%</i>	<i>39,09</i>	<i>52,66</i>	<i>15,23</i>	<i>22,80</i>	<i>32,80</i>	<i>48,78</i>	<i>34,50</i>	<i>12,33</i>
	Diện tích trồng lại	ha	755,5	293,1	70,1	26,8	65,3	294,8	2,2	3,2
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	<i>%</i>	<i>32,8</i>	<i>33,3</i>	<i>21,9</i>	<i>29,8</i>	<i>26,1</i>	<i>40,9</i>	<i>11,0</i>	<i>16,0</i>
II	CHUẨN BỊ SẢN XUẤT VỤ MÙA									
1	Đăng ký giống	kg	126.746	13.660	11.000	-	36.405	43.086	14.860	7.735
	Trong đó: Lúa lai	kg	96.406	9.660	11.000		31.550	25.396	12.360	6.440
	<i>Tương đương với diện tích cây</i>	<i>ha</i>	<i>3.443</i>	<i>345</i>	<i>393</i>	<i>-</i>	<i>1.127</i>	<i>907</i>	<i>441</i>	<i>230</i>
	Lúa thuần	kg	30.340	4.000			4.855	17.690	2.500	1.295

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Trong đó						
				Sơn Dương	Yên Sơn	T. phố T. Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình
	<i>Tương đương với diện tích cây</i>	ha	674	89	-	-	108	393	56	29
III	LÂM NGHIỆP									
1	Trồng rừng									
1.1	Kế hoạch trồng rừng năm 2016	ha	10.500	1.925	2.930	205	2.470	1.470	850	650
a	Trồng rừng tập trung	ha	10.150	1.900	2.850	200	2.400	1.400	800	600
	- Trồng rừng sản xuất	ha	9.900	1.900	2.800	200	2.400	1.400	700	500
	+ Tổ chức	ha	1.895	200	435	30	730	500		
	+ Hộ gia đình, cá nhân	ha	8.005	1.700	2.365	170	1.670	900	700	500
	- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng	ha	250		50				100	100
b	Trồng cây phân tán (Quy diện tích)	ha	350	25	80	5	70	70	50	50
1.2	Kết quả trồng rừng	ha	7.514,2	1.496,1	2.152,1	96,6	1.776,6	1.254,6	444,1	294,1
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	%	71,6	77,7	73,4	47,1	71,9	85,3	52,2	45,2
a	Trồng rừng tập trung	ha	7.160,0	1.469,1	2.093,4	88,2	1.707,7	1.167,6	396,1	238,0
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	%	70,5	77,3	73,5	44,1	71,2	83,4	49,5	39,7
	- Trồng rừng sản xuất	ha	7.125,9	1.469,1	2.093,4	88,2	1.707,7	1.167,6	371,1	228,9
	+ Tổ chức, doanh nghiệp	ha	1.024,4	118,9	111,4	30,9	513,3	250,0	-	-
	+ Hộ gia đình, cá nhân	ha	6.101,5	1.350,2	1.982,0	57,4	1.194,4	917,6	371,1	228,9
	- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng	ha	34,1	-	-	-	-	-	25,0	9,1
b	Trồng cây phân tán (Quy diện tích)	ha	354,2	27,0	58,7	8,4	68,9	87,0	48,0	56,2
2	Khai thác									
2.1	Kế hoạch khai thác									
a	Gỗ rừng trồng									
	- Diện tích	ha	9.400	2.000	2.800	200	2.400	1.400	350	250
	- Sản lượng gỗ	m ³	765.000	164.200	228.000	16.200	194.200	113.500	28.250	20.650
	Trong đó: + Doanh nghiệp	m ³	117.000	20.000	26.000	3.000	48.000	20.000		
	+ Cá nhân, hộ gia đình	m ³	648.000	144.200	202.000	13.200	146.200	93.500	28.250	20.650

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Trong đó						
				Sơn Dương	Yên Sơn	T.phố T.Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình
b	Tre, nứa	Tấn	22.100	100	7.000			8.000	2.000	5.000
2.2	Kết quả thực hiện									
a	Khai thác gỗ rừng trồng									
	- Diện tích	ha	2.417,1	494,5	399,8	50,1	414,9	655,5	185,1	217,3
	- Sản lượng gỗ	m3	314.918	48.177	32.695	15.696	160.590	39.865	11.199	6.696
	<i>Đạt % so với kế hoạch khai thác</i>	%	41,2	29,3	14,3	96,9	82,7	35,1	39,6	32,4
	Trong đó: + Doanh nghiệp	m3	55.189	14.581	11.587	2.785	19.593	6.642	-	-
	<i>Đạt % so với kế hoạch khai thác</i>	%	47,2	72,9	44,6	92,8	40,8	33,2		
	+ Cá nhân, hộ gia đình	m3	259.729,1	33.596,0	21.108,1	12.910,6	140.996,6	33.222,6	11.199,0	6.696,1
	<i>Đạt % so với kế hoạch khai thác</i>	%	40,1	23,3	10,4	97,8	96,4	35,5	39,6	32,4
b	Tre, nứa	Tấn	4.244	-	762	-	-	632	-	2.850
	<i>Đạt % so với kế hoạch khai thác</i>	%	19,20	-	10,88			7,90	-	57,00